

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

NGÂN HÀNG XĂNG DẦU PETROLIMEX

Văn phòng 5, 18T1-18T2 Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84) 4 6281 1298 | Fax: (84) 4 6281 1299 | Website: www.pgbank.com.vn



MỤC LỤC

1	Mục lục	01
2	Thông điệp	02
	• Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	02
	• Vươn lên tầm cao mới: Các thành tích nổi bật năm 2010	04
	• Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	06
3	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	08
4	Giới thiệu Ngân hàng	14
	• Sơ đồ tổ chức	14
	• Hội đồng Quản trị	16
	• Ban Kiểm soát	18
	• Ban Điều hành	19
	• Thông tin cổ đông	20
	• Hệ thống quản lý rủi ro	22
5	Mạng lưới hoạt động	24
	• Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch	24
	• Mạng lưới Ngân hàng Đại lý	33
6	Báo cáo tài chính	34

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kinh tế thế giới năm 2010 đã cho thấy những dấu hiệu hồi phục rõ rệt từ sau khủng hoảng, trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng tốc nhanh với tốc độ tăng GDP đạt 6,78%. Tuy nhiên, bức tranh kinh tế Việt Nam vẫn còn hiện hữu những gam màu tối khi môi trường kinh doanh vĩ mô có nhiều bất ổn với tỷ lệ lạm phát vọt lên 11,75%, nhập siêu vẫn ở mức cao 12,4 tỷ USD, thị trường ngoại hối có những biến động mạnh và sự ảm đạm vẫn bao trùm thị trường chứng khoán trong nước. Có thể nói, năm 2010 đã đem đến nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thử thách đối với hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng.

Vững vàng vượt qua những thách thức, đồng thời chủ động đón đầu những cơ hội kinh doanh, PG Bank tiếp tục gặt hái những thành tựu vượt trội trong năm 2010, đưa Ngân hàng **“Vươn lên tầm cao mới”**. Quy mô hoạt động của PG Bank không ngừng được mở rộng, với nhân sự trên 1.000 người, trong khi đó, Ngân hàng tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đồng thời củng cố tính chuyên nghiệp của hệ thống. Trong năm 2010, PG Bank đã vươn lên trở thành một trong những ngân hàng thương mại dẫn đầu về hiệu quả sinh lời, đạt 27% tỷ suất lợi nhuận trước thuế, tăng 127% so với năm 2009, hoàn thành xuất sắc kế hoạch đặt ra. Không những thế, Ngân hàng vẫn tiếp tục đảm bảo tốt khả năng thanh khoản và chất lượng tài sản, với tỷ lệ nợ xấu được duy trì ở mức thấp là 1,42%.

Đáng chú ý, trong năm này Ngân hàng đã hoàn thiện mô hình tổ chức theo các Khối chuyên môn hóa cao và triển khai thành công Bộ nhận diện thương hiệu mới với thiết kế năng động và sáng tạo, đánh dấu bước đi quan trọng của PG Bank trong lộ trình phát triển thành Ngân hàng thương mại đa năng hàng đầu. Năm vừa qua cũng đã chứng kiến sự phát triển mang tính đột phá trong hoạt động kinh doanh bán lẻ của PG Bank, với sự ra đời của hàng loạt dịch vụ và tiện ích mới đi cùng chiến dịch nâng cao chất lượng dịch vụ. Đến nay, PG Bank đã cung cấp đầy đủ các gói dịch vụ ngân hàng hiện đại được khách hàng ưa chuộng và đánh giá cao, đồng thời một số dịch vụ tài chính mới, tiêu biểu là phái sinh hàng hóa và tư vấn tài chính đã đi vào hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể nâng cao tổng thu nhập của ngân hàng.

Quảng thời gian sau khi chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang ngân hàng đô thị là tương đối ngắn, nhưng PG Bank đã có bước phát triển toàn diện với tăng trưởng mạnh cả về quy mô tổng tài sản và lợi nhuận trước thuế. Lần thứ 3 liên tiếp, PG Bank vinh dự được Ngân hàng nhà nước xếp hạng A dựa trên những đánh giá về hoạt động an toàn và hiệu quả. Đây là những thành quả trực tiếp của chính sách kinh doanh phù hợp và linh hoạt của Ban lãnh đạo cùng những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên ngân hàng. Trên hết, chính sự tin tưởng và ghi nhận của quý khách hàng, đối tác và cổ đông là nguồn động lực cho tập thể PG Bank đạt được những thành tựu vượt trội trong chặng đường vừa qua. Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Ngân hàng, tôi trân trọng bày tỏ lòng tri ân sâu sắc tới Quý khách hàng, đối tác và cổ đông đã và đang sát cánh cùng chúng tôi trong chặng đường phát triển của PG Bank.

Bước vào năm 2011, nhằm thực hiện mục tiêu trọng tâm **“kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội”**, Chính phủ đã kiên quyết thực hiện những biện pháp thắt chặt tín dụng và chính sách tài khóa, cho thấy trước mắt năm nay sẽ là năm thử thách đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Luôn vững vàng vượt qua nhiều khó khăn trong quá trình phát triển, trong năm 2011 với thể và lực mới, chúng tôi tin tưởng tập thể PG Bank sẽ tiếp tục vượt qua những thách thức, thực hiện mục tiêu tăng trưởng an toàn và hiệu quả, đồng thời phát huy thế mạnh truyền thống, bên cạnh chủ động khai thác những cơ hội kinh doanh để đưa PG Bank sang một giai đoạn phát triển mạnh mẽ hơn với quy mô lớn hơn.

Chân thành cảm ơn!


Bùi Ngọc Bảo



Ông Bùi Ngọc Bảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị PG Bank

THÀNH TÍCH NỔI BẬT NĂM 2010



TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU MỚI

Trong năm 2010, cùng với chiến dịch thay đổi nhận hiệu của Petrolimex, bộ nhận diện thương hiệu mới của PG Bank đã chính thức được áp dụng trên toàn hệ thống ngân hàng. Với thiết kế sáng tạo, bộ nhận diện thương hiệu mới đã góp phần củng cố hình ảnh ngân hàng chuyên nghiệp và năng động, luôn hướng tới mục tiêu mang lại những giá trị tài chính tối đa cho khách hàng.

HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC THEO CÁC HƯỚNG CHUYÊN MÔN HÓA

Năm 2010 vừa qua đánh dấu bước đi quan trọng của PG Bank trong lộ trình phát triển thành ngân hàng thương mại đa năng hàng đầu, khi Khối Khách hàng doanh nghiệp, Khối Dịch vụ ngân hàng bán lẻ, Khối Đầu tư và Quản lý rủi ro đã chính thức được thành lập và hoàn thiện.



TIẾP TỤC NHẬN ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG “THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM 2010” VÀ GIẢI THƯỞNG “TOP 100 DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TIÊU BIỂU NĂM 2010”

Lần thứ 3 liên tiếp, PG Bank được Ngân hàng nhà nước xếp hạng A dựa trên những đánh giá về hoạt động an toàn và hiệu quả. Ngân hàng cũng tiếp tục được vinh danh tại lễ trao Giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2010” do Cục Xúc Tiến thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp với Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức, đồng thời nhận được Giải thưởng “Top 100 Doanh nghiệp Thương Mại Dịch vụ tiêu biểu năm 2010” do Bộ Công Thương bình chọn.

CHÍNH THỨC RA MẮT TỔNG ĐÀI DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Tháng 04/2010, PG Bank đưa vào hoạt động Tổng đài dịch vụ khách hàng tại số máy 1900555574, PG Bank Call Center nhằm giải đáp tất cả các thắc mắc và hỗ trợ về sản phẩm dịch vụ cho khách hàng.



TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN MẠI LỚN

Năm 2010, PG Bank thực hiện thành công rất nhiều chương trình khuyến mại lớn: “Lãi suất cao - Du lịch năm sao”, “Tiết kiệm nhỏ - Trúng nhà to”, “Kỷ niệm Flexicard tròn 1 tuổi”, nhằm tri ân khách hàng hiện tại và tăng cường quảng bá thương hiệu PG Bank đến với các khách hàng tiềm năng. Dịch vụ thẻ thanh toán nội địa Flexicard có bước phát triển tốt, tổng số thẻ phát hành đạt 475.470 thẻ.

PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC VỀ DỊCH VỤ VÀ CÁC TIỆN ÍCH CHO KHÁCH HÀNG

Năm 2010 là năm đánh dấu sự phát triển mang tính đột phá của PG Bank trong việc đa dạng hóa và cải tiến chất lượng dịch vụ. Hàng loạt các dịch vụ hiện đại như SMS Banking, Internet Banking, Tiết kiệm online...cùng với nhiều tiện ích khác tích hợp trong sản phẩm thẻ được khách hàng ưa chuộng và đánh giá cao.

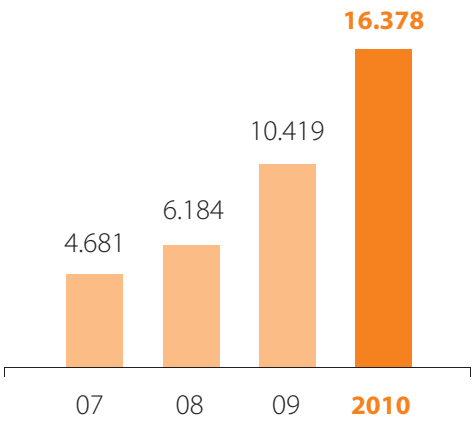
DUY TRÌ VỊ TRÍ HÀNG ĐẦU TRONG KINH DOANH NGOẠI HỐI

Trong năm 2010, PG Bank tiếp tục là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần dẫn đầu về doanh số và hiệu quả hoạt động kinh doanh ngoại hối. Tổng doanh số mua bán ngoại tệ của Ngân hàng cả năm 2010 là 7,71 tỷ USD. PG Bank cũng luôn được đánh giá là một trong những thành viên hoạt động ngoại hối năng động nhất trên thị trường liên ngân hàng.

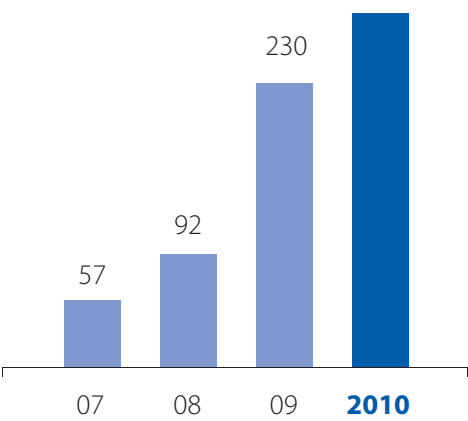
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

CHỈ TIÊU	2010	
Tổng tài sản	16.378	Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	293	Tỷ đồng
Tổng huy động	13.995	Tỷ đồng
Tổng dư nợ	10.887	Tỷ đồng
ROE	20	%
ROA	1,60	%
Hệ số an toàn vốn tối thiểu (CAR)	20,64	%
Tỷ lệ nợ xấu	1,42	%

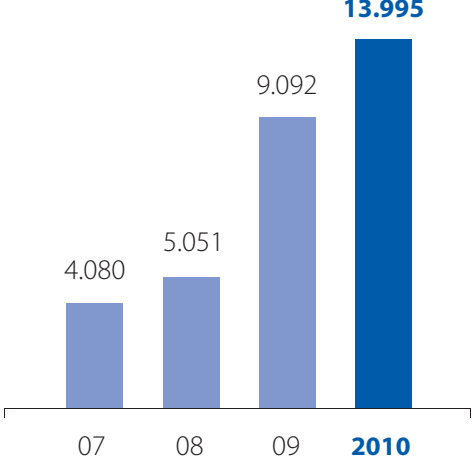
TỔNG TÀI SẢN
Đơn vị tính: Tỷ đồng



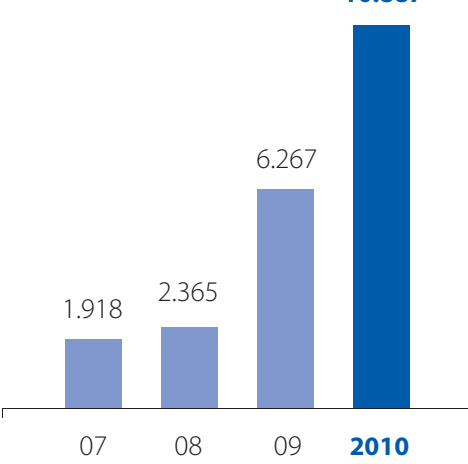
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
Đơn vị tính: Tỷ đồng



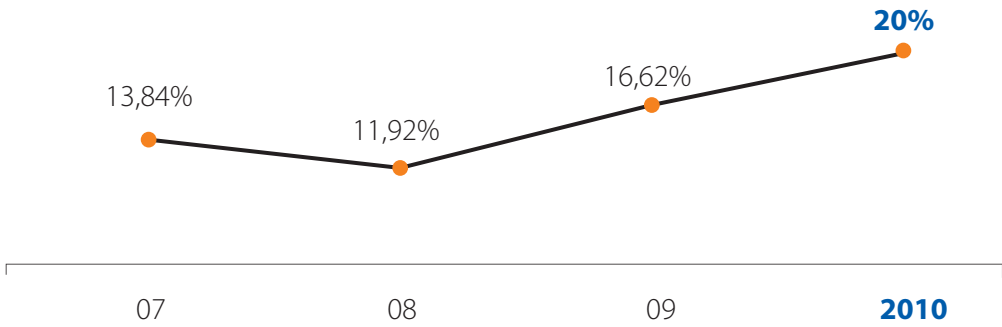
TỔNG HUY ĐỘNG
Đơn vị tính: Tỷ đồng



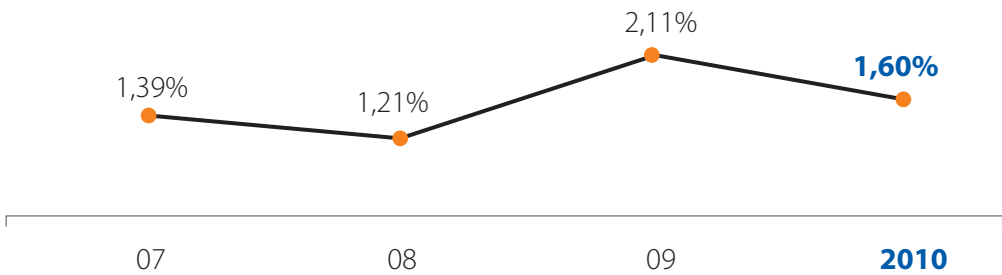
TỔNG DƯ NỢ
Đơn vị tính: Tỷ đồng



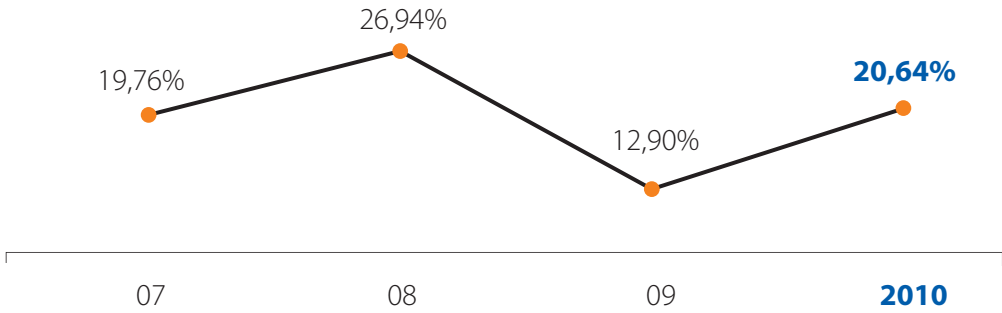
ROE



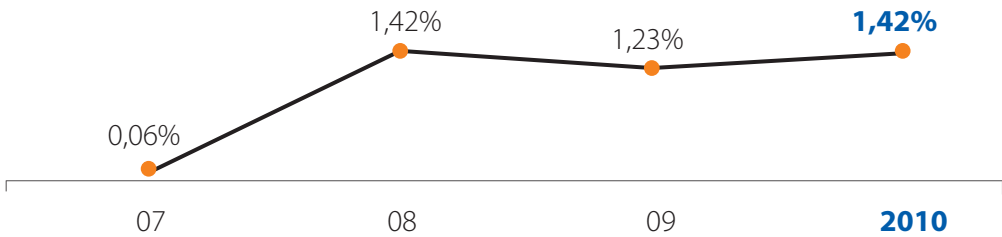
ROA



HỆ SỐ AN TOÀN VỐN TỐI THIỂU (CAR)



TỶ LỆ NỢ XẤU



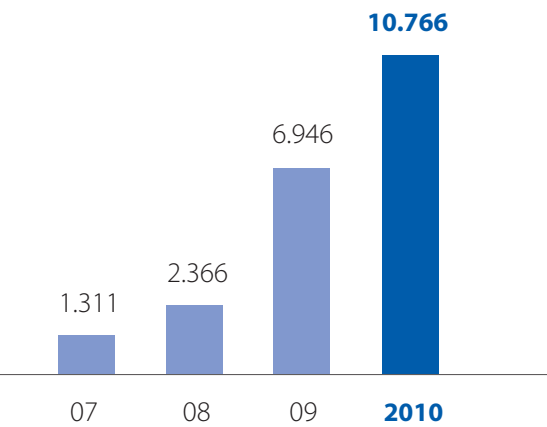
**KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2010**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN

TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG TỪ TCKT, DÂN CƯ

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Trong năm 2010, hoạt động huy động vốn của PG Bank tiếp tục có bước phát triển khả quan, nối tiếp xu hướng tăng trưởng khá và ổn định của những năm trước. Tổng nguồn huy động tính đến 31/12/2010 đạt 13.995 tỷ đồng, tăng 54% so với năm 2009, trong đó, nguồn huy động từ tổ chức kinh tế, dân cư chiếm 76,93% tổng nguồn vốn, đạt 10.766 tỷ đồng. Trong một năm thị trường ngân hàng gặp nhiều khó khăn về thanh khoản dẫn tới hoạt động huy động có sự cạnh tranh khốc liệt, PG Bank đã tích cực xây dựng và áp dụng các chương trình huy động sáng tạo, linh hoạt, đem lại nhiều lợi ích cho khách hàng đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, nhờ đó đã duy trì được nguồn huy động ổn định, đặc biệt là từ thị trường 1, đáp ứng tốt nhu cầu của hoạt động tín dụng trong năm.

HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Tính đến 31/12/2010, dư nợ toàn Ngân hàng đạt 10.886 tỷ đồng, tăng trưởng 73,7% so với năm 2009. Cơ cấu nợ vay vẫn giữ ổn định ở mức hợp lý, đảm bảo sự cân đối trong kỳ hạn, với dư nợ ngắn hạn chiếm 66,5%, dư nợ trung và dài hạn chiếm 33,5% trong tổng dư nợ. Song song với việc đẩy mạnh hoạt động tín dụng, công tác kiểm soát tín dụng trước, trong và sau khi giải ngân được thực hiện triệt để và chặt chẽ, giúp PG Bank nói chung kiểm soát tốt các

khoản cho vay, giữ tỷ lệ nợ xấu ở mức tương đối thấp và an toàn.

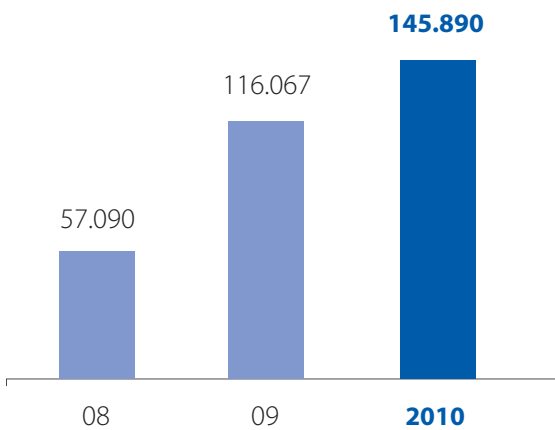
Năm 2010 cũng là năm đánh dấu một bước tiến lớn của PG Bank trong việc phát triển tài trợ tín dụng từ các nguồn vốn ODA. PG Bank đã được Ban Quản lý các Dự án tín dụng quốc tế của Ngân hàng nhà nước lựa chọn là thành viên tham gia vào Dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (Gọi tắt là SMEFP III), một dự án sử dụng nguồn vốn ODA từ Nhật Bản trong trung và dài hạn với lãi suất ưu đãi. Với hạn mức được cấp, PG Bank đã sử dụng hiệu quả, mang lại chính sách cho vay ưu đãi cho doanh nghiệp, đồng thời góp phần nâng cao uy tín của PG Bank trong việc tham gia các Dự án Tài trợ quốc tế.

Hoạt động tín dụng cá nhân của Ngân hàng trong năm 2010 cũng đạt hiệu quả cao, với số lượng khách hàng cá nhân tăng thêm 44% so với năm 2009, trong khi dư nợ tín dụng cá nhân tăng 39%.

CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH NGOẠI TỆ

TỔNG DOANH SỐ MUA BÁN NGOẠI TỆ

Đơn vị tính: Tỷ đồng



CÂN ĐỐI VÀ KINH DOANH NGUỒN VỐN

Năm 2010 là một năm thành công đối với các hoạt động cân đối & kinh doanh vốn của PG Bank. Nhờ vào khả năng nhạy bén trong dự báo tình hình thị

trường, cộng với việc quản lý nguồn vốn hiệu quả, PG Bank đã duy trì tốt khả năng thanh khoản và tạo được uy tín trên thị trường liên ngân hàng.

PG Bank vẫn luôn thực hiện huy động vốn và sử dụng vốn theo hướng đảm bảo cân đối vốn, tăng cường cải thiện chất lượng nguồn vốn, đáp ứng các quy định về tỷ lệ an toàn. Hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng đạt được kết quả ấn tượng mặc dù trải qua một năm đầy khó khăn, lợi nhuận ròng đạt 28,9 tỷ đồng. Nghiệp vụ kinh doanh trái phiếu Chính phủ cũng tăng trưởng đáng kể. Bên cạnh đó, việc ban hành và điều chỉnh các chính sách quản lý lãi suất kịp thời đã hỗ trợ tối đa hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, góp phần lớn tăng cường hiệu quả kinh doanh của toàn ngân hàng trong năm vừa qua.

KINH DOANH NGOẠI TỆ

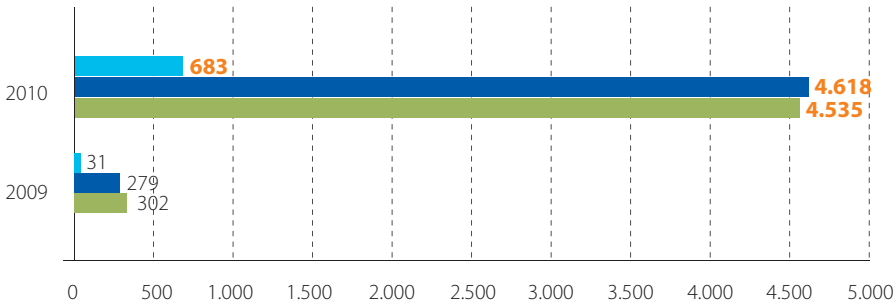
Mặc dù tình trạng thâm hụt thương mại kéo dài đã gây ra mất cân đối giữa cung và cầu ngoại tệ và tạo nhiều sức ép lên tỷ giá, hoạt động kinh doanh ngoại hối tại PG Bank trong năm 2010 vẫn đạt được nhiều thành tích. PG Bank tiếp tục là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần dẫn đầu về doanh số và hiệu quả hoạt động kinh doanh ngoại hối. Tổng doanh số mua bán ngoại tệ của ngân hàng cả năm 2010 là 7,71 tỷ USD, tăng 16% so với mức 6,7 tỷ USD của năm 2009.

Là một thành viên năng động trong hoạt động kinh doanh ngoại hối trên thị trường liên ngân hàng, trong năm 2010 doanh số mua bán của PG Bank trên thị trường này tăng trưởng vượt bậc, đạt 4,6 tỷ USD, tăng tới 80% so với năm 2009.

DOANH SỐ GIAO DỊCH QUA THẺ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

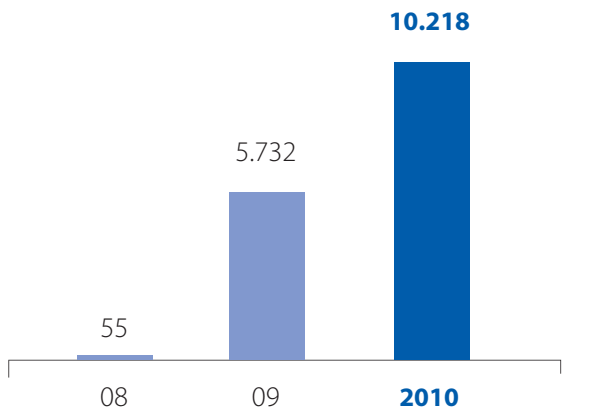
- Rút tiền mặt
- Thanh toán xăng dầu
- Nạp tiền vào thẻ trả trước



THANH TOÁN QUỐC TẾ VÀ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI

TỔNG PHÍ THU THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị tính: Triệu đồng



Trong năm 2010, hệ thống thanh toán của PG Bank có nhiều cải thiện, đáp ứng tốt yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Hiện tại PG Bank đã xây dựng được danh mục kênh thanh toán tương đối đầy đủ như: đang duy trì 13 đầu CITAD phục vụ thanh toán trong nước, thanh toán chuyển tiền nước ngoài bằng Swift qua hệ thống Nostro các ngoại tệ tại Citibank, Wells Fargo, Standard Chartered Bank, ANZ, Sumitomo Mitsui, BHF... Nhờ vậy, doanh số thanh toán trong nước và quốc tế của PG Bank ngày càng tăng. Cụ thể, bình quân số giao dịch trong tháng 12/2010 tăng 43% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu phí thanh toán quốc tế năm 2010 cũng tăng 78% so với năm 2009.

Bên cạnh việc nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, PG Bank tiếp tục tăng cường thiết lập quan hệ đại lý với 234 ngân hàng trên 41 quốc gia trên thế giới về cơ bản đáp ứng được nhu cầu thông báo L/C tới tất cả các nước Việt Nam có quan hệ xuất nhập khẩu. Trong năm 2010, số lượng L/C phát hành đạt 454 L/C, tăng 65% so với năm 2009, thể hiện sự uy tín trong quan hệ hợp tác với hệ thống ngân hàng trong và ngoài nước cùng với sự tin cậy của các khách hàng doanh nghiệp.

CÔNG TÁC KINH DOANH THẺ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2010, công tác phát hành thẻ của PG Bank tiếp tục gặp nhiều khó khăn trước bối cảnh thị trường thẻ cạnh tranh quyết liệt. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của đội ngũ nhân viên năng động chuyên nghiệp đã giúp Ngân hàng đạt được những thành công đáng khích lệ. Trong năm này, số lượng thẻ phát hành thành công của PG Bank đã tăng gấp 3 lần so với năm trước, nâng tổng số thẻ phát hành lên 475.470 thẻ.

Đáng chú ý, bên cạnh số lượng thẻ phát hành thành công tăng nhanh, tổng giá trị thanh toán qua thẻ cũng có sự tăng trưởng vượt bậc, trong đó, tổng giá trị thanh toán xăng dầu qua thẻ tăng 16,5 lần, đạt 4.618 tỷ đồng. Sự gia tăng của các điểm chấp nhận thẻ, các máy ATM, các chương trình khuyến mại và sự phát triển của các dịch vụ ngân hàng điện tử tại PG Bank cũng đóng góp một phần rất lớn vào những thành công trên.

CÁC NGHIỆP VỤ KHÁC

Bên cạnh những dịch vụ ngân hàng truyền thống, PG Bank còn cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính cho các khách hàng tổ chức, trong đó ngân hàng đóng vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với thị trường vốn và thị trường nợ.

Nghiệp vụ phái sinh hàng hóa được triển khai từ năm 2009 cũng tiếp tục được đẩy mạnh phát triển. PG Bank tự hào là một trong số ít các ngân hàng TMCP tích cực triển khai các sản phẩm phái sinh tới khách hàng của mình như một công cụ để phòng ngừa rủi ro thông qua thị trường tài chính. Trong năm 2010, PG Bank đã thực hiện thành công một số hợp đồng hoán đổi lãi suất cho khách hàng, giúp khách hàng loại trừ rủi ro biến động lãi suất. PG Bank cũng đã chủ động, tích cực tìm kiếm, thiết lập quan hệ giao dịch với các nhà môi giới, các công ty năng lượng uy tín trên thế giới, qua đó khách hàng của PG Bank có thể kết nối và giao dịch trực tuyến tới hầu hết các Sở giao dịch hàng hóa lớn trên thế giới như CME, ICE, LME. PG Bank là ngân hàng TMCP thứ 2 tại Việt Nam triển khai dịch vụ giao dịch hàng hóa phái sinh trực tuyến này cho khách hàng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Trong năm 2010, mô hình tổ chức của PG Bank có nhiều thay đổi theo hướng chuyên nghiệp hơn, với sự thành lập của các Khối Quản lý rủi ro, Khối Đầu tư và Khối Ngân hàng bán lẻ. Sự thành lập của các Khối chuyên môn này sẽ giúp tập trung được các nguồn lực phù hợp cho từng nghiệp vụ, đảm bảo hiệu quả

hoạt động và sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau giữa các bộ phận khác nhau trong Ngân hàng. Sự ra đời và phát triển của các Khối này thể hiện quyết tâm của ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên PG Bank trong việc xây dựng PG Bank trở thành ngân hàng đa năng hiện đại.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trong năm 2010, PG Bank tiếp tục hoàn thiện hệ thống công nghệ đã được xây dựng, tập trung khắc phục các tồn tại và tích hợp các tính năng mới, nhằm tận dụng tối đa nền tảng sẵn có, hỗ trợ tốt hơn cho sự phát triển của các nghiệp vụ khác.

Dịch vụ Internet Banking được cải tiến giao diện theo hướng thân thiện hơn với khách hàng, đồng thời thêm nhiều tính năng mới đa dạng, nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn và bảo mật thông tin của người dùng. Khách hàng sử dụng Internet Banking của PG Bank hiện nay có thể dễ dàng thực hiện các giao dịch trực tuyến như truy vấn thông tin tài khoản, chi tiết giao dịch, chuyển tiền, gửi tiết kiệm online với độ an toàn thông tin cao nhờ công nghệ xác thực hai yếu tố: yếu tố mật khẩu mềm và yếu tố mã xác thực sử dụng một lần.

Một dự án nổi bật của hoạt động công nghệ thông tin PG Bank trong năm 2010 là thực hiện triển khai hệ thống bảo mật thông tin hiện đại và đồng bộ, trong đó sử dụng giải pháp bảo mật do hãng Checkpoint (Israel) cung cấp nhằm bảo vệ hệ thống thông tin của Ngân hàng. Với những thiết bị hiện đại, hệ thống mới này đã tăng cường bảo vệ an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu, Hội sở chính và tất cả các chi nhánh của Ngân hàng. PG Bank cũng tiến hành triển khai hệ thống giám sát trực tuyến cho phép giám sát 24/7 hệ thống mạng và các dịch vụ trên máy chủ, thông qua sử dụng phần mềm hiển thị trực quan sơ đồ hệ thống và các ngưỡng cảnh báo. Hệ thống máy chủ lưu trữ và máy chủ ứng dụng cũng được đầu tư nâng cấp, tăng cường khả năng dự phòng, đảm bảo nhu cầu phát triển và tăng trưởng của ngân hàng trong thời gian tới.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VÀ MẠNG LƯỚI

Tháng 3/2010, Ngân hàng chính thức hoàn tất việc chuyển trụ sở chính từ Đồng Tháp ra Hà Nội, hoàn tất quá trình chuyển đổi từ Ngân hàng TMCP Nông thôn thành một Ngân hàng TMCP Đô thị năng động và chuyên nghiệp.

Năm 2010 cũng đánh dấu sự ghi nhận của các tổ

chức uy tín về thương hiệu và chất lượng dịch vụ của PG Bank qua các giải thưởng: năm thứ 3 liên tiếp đạt các danh hiệu và giải thưởng: “Ngân hàng hạng A” do Ngân hàng Nhà nước trao tặng; giải thưởng “Top 100 doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu” do Cục Xúc Tiến Thương Mại - Bộ Công Thương và Báo Công Thương bình chọn; giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam” do Cục Xúc tiến Thương Mại - Bộ Công Thương và Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn.

Cũng trong năm này, PG Bank đã triển khai thành công bộ nhận diện thương hiệu mới trên toàn hệ thống của PG Bank, đem đến cho khách hàng một hình ảnh PG Bank chuyên nghiệp, năng động, hiện đại, luôn hướng tới khách hàng và tận dụng tối đa thế mạnh là sự hỗ trợ từ Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).

Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng cũng được tiếp tục được mở rộng với hai chi nhánh và sáu phòng giao dịch mới đi vào hoạt động, nâng tổng số chi nhánh và phòng giao dịch của PG Bank trên cả nước lên 63 điểm.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Trong năm 2010, PG Bank đã tuyển dụng thêm nhiều cán bộ có trình độ và năng lực phù hợp với công việc. Tính đến 31/12/2010, tổng số nhân viên của PG Bank là 1.158 người.

PG Bank cũng tiếp tục nỗ lực trong việc thiết kế, đổi mới, cải thiện các chính sách đãi ngộ tốt hơn cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt là chế độ lương thưởng. Chính sách thưởng Kinh doanh đã được xây dựng là động lực khích lệ tinh thần làm việc của nhân viên Kinh doanh.

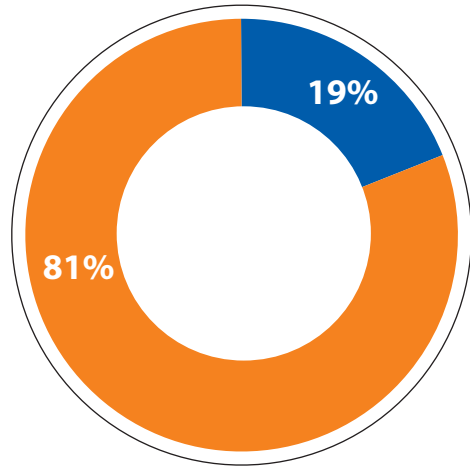
Bên cạnh đó, công tác đào tạo nhân sự cũng luôn được PG Bank đặc biệt chú trọng. Trong năm 2010, Ngân hàng đã triển khai thành công 32 khóa Đào tạo nghiệp vụ - kỹ năng chuyên môn cùng các kỹ năng mềm cho 2.444 lượt học viên, tổng thời gian đào tạo lên tới 1.312 giờ. Đáng chú ý, năm 2010, Ngân hàng ghi nhận những đóng góp không nhỏ của đội ngũ giảng viên nội bộ, khi thực hiện 13 trong tổng số 32 khóa đào tạo với tổng số giờ đào tạo là 728 giờ cho 1.616 lượt học viên.

Song song với việc chú trọng công tác đào tạo nhân sự, PG Bank cũng đặc biệt quan tâm xây dựng một văn hóa doanh nghiệp riêng của Ngân hàng, tập trung vào năm giá trị cốt lõi: Tính tuân thủ, Tinh thần trách nhiệm, Sáng tạo, Tinh chuyên nghiệp, và Luôn

hướng đến hiệu quả. Đây là nền tảng, là yếu tố vô cùng quan trọng trong việc duy trì sự bền vững cho những thành công của Ngân hàng, nhất là trong bối cảnh thị trường hội nhập có tính cạnh tranh cao như hiện nay.

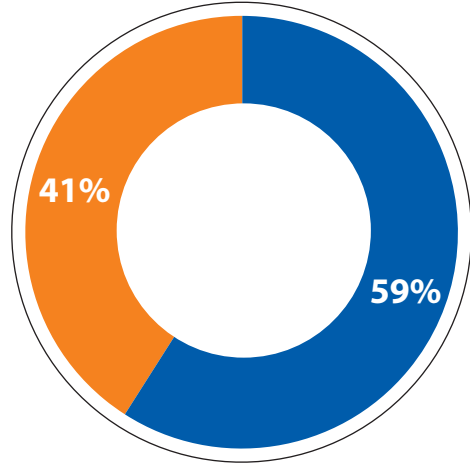
SỐ KHÓA ĐÀO TẠO

- Đào tạo nghiệp vụ
- Đào tạo kỹ năng

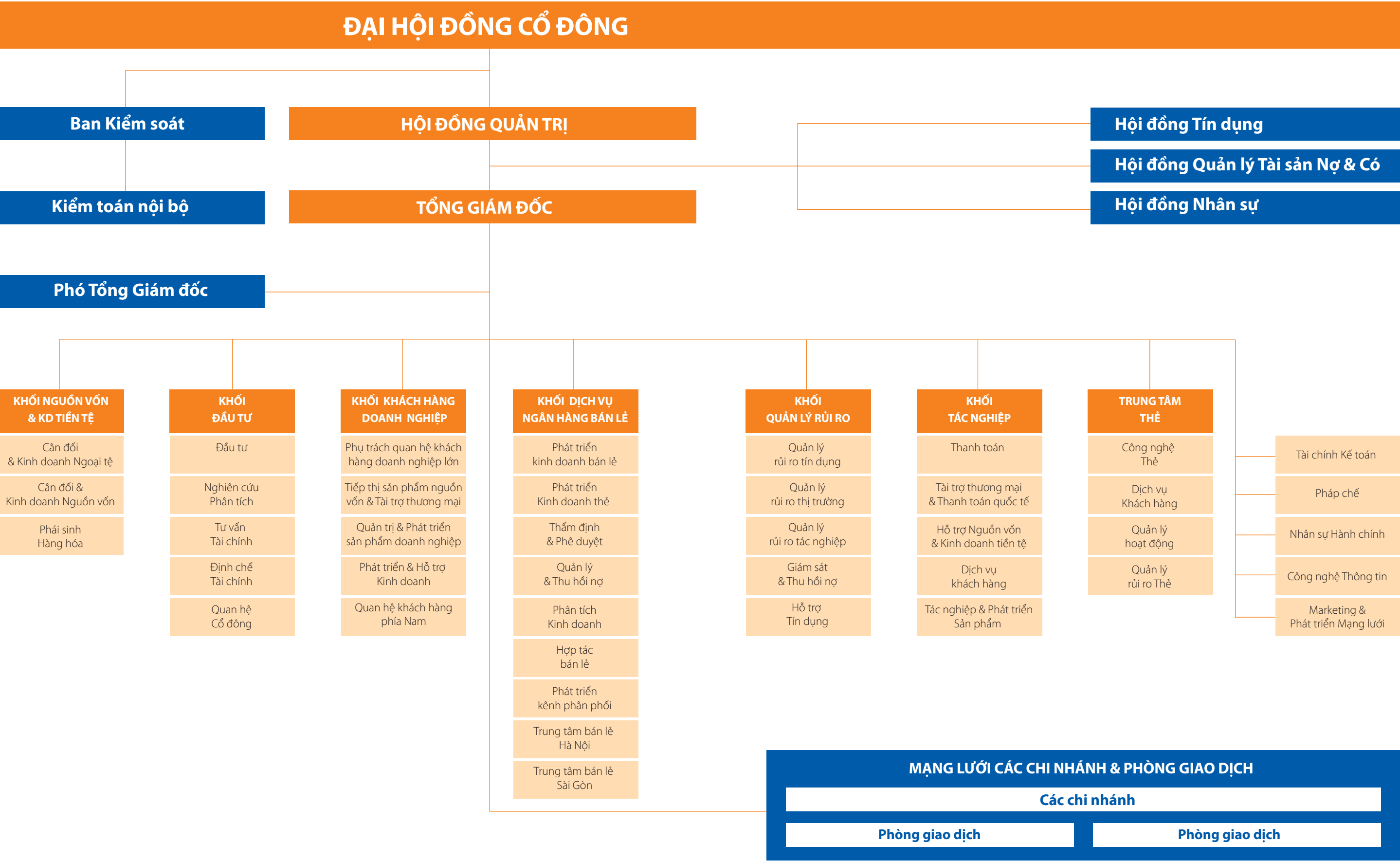


SỐ KHÓA ĐÀO TẠO

- Đào tạo nội bộ
- Đào tạo thuê ngoài



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





Ông BUI NGOC BAO - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRẦN LONG AN
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ông TRẦN NGỌC NĂM
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Bà NGUYỄN THỊ THANH HÀ
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ông CUNG QUANG HÀ
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ông ĐINH THÀNH NGHIỆP
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN THANH BÌNH
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ông LÊ MINH QUỐC
Ủy viên Hội đồng Quản trị

BAN KIỂM SOÁT



Ông NGUYỄN QUỐC TRUNG
Trưởng Ban Kiểm soát

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN QUANG ĐỊNH
Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN QUANG NGHỊ
Thành viên Ban Kiểm soát



Bà TRỊNH THỊ QUỲNH HƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát



Ông ĐÌNH THÀNH NGHIỆP
Phó Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG
Phó Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN THÀNH TÔ
Phó Tổng Giám đốc

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU CỔ ĐÔNG - THEO DANH SÁCH CHỐT NGÀY 29/12/2010

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	VỐN CỔ PHẦN (VND)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
I. Tổ chức	12	1.247.863.500.000	62,4%
1. Nhà nước	1	800.000.000.000	40,0%
2. Nước ngoài	0	-	-
3. Khác	11	447.863.500.000	22,4%
II. Cá nhân	849	752.136.500.000	37,6%
Tổng cộng	861	2.000.000.000.000	100,0%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG TRỌNG YẾU - THEO DANH SÁCH CHỐT NGÀY 29/12/2010

Cổ đông trọng yếu là cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Ngân hàng

CỔ ĐÔNG	LOẠI CỔ PHẦN	TỔNG MỆNH GIÁ (TRIỆU VNĐ)	TỶ LỆ SỞ HỮU
TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM (PETROLIMEX) Giấy CNĐKKD số 109911 ngày 2/4/1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp NGƯỜI ĐẠI DIỆN: Ông BÙI NGỌC BẢO – Tổng Giám đốc Ông TRẦN NGỌC NĂM – Kế toán trưởng Ông TRẦN LONG AN – Trưởng Ban Kiểm soát	Cổ phần phổ thông	800.000	40,0%
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI) GIẤY CNĐKKD SỐ 056679 NGÀY 30/12/1999 DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH CẤP NGƯỜI ĐẠI DIỆN: Bà NGUYỄN THỊ THANH HÀ – Giám đốc Tài chính	Cổ phần phổ thông	199.555	9,98%

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM (PETROLIMEX)

Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) là cổ đông lớn nhất của Ngân hàng (chiếm 40% vốn điều lệ). Petrolimex là doanh nghiệp nhà nước trọng yếu, được xếp hạng đặc biệt, cung cấp 60% thị phần xăng dầu nội địa với quy mô hoạt động toàn quốc. Tính đến nay, Petrolimex có hơn 2.000 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc 100% sở hữu của Petrolimex và hơn 4.000 cửa hàng đại lý dưới thương hiệu Petrolimex.

Bên cạnh kinh doanh xăng dầu, Petrolimex đạt được rất nhiều thành công trong các lĩnh vực khác như: Vận tải, Gas, Hóa dầu, Bảo hiểm... Kết thúc năm 2010, tổng doanh thu toàn Tổng Công ty đạt gần 140.000 tỷ đồng, đóng góp vào Ngân sách nhà nước gần 25.000 tỷ đồng.

PETROLIMEX HIỆN CÓ:

- 41 Công ty thành viên
- 34 Chi nhánh và Xí nghiệp trực thuộc các Công ty thành viên 100% vốn Nhà nước
- 23 Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Tổng công ty
- 3 Công ty Liên doanh với nước ngoài và 1 Công ty TNHH một thành viên tại Singapore

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) là cổ đông chiếm 9,98% vốn điều lệ của Ngân hàng. SSI hiện là công ty chứng khoán có vốn hóa lớn nhất tại Việt Nam và được niêm yết tại Sở giao dịch TP. HCM. Với tiềm lực tài chính vững mạnh và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, SSI chuyên cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính vượt trội. Là tổ chức tài chính uy tín, SSI không những thu hút

được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước, mà còn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài danh tiếng như DBJ, ANZ, Daiwa, JP Morgan, HSBC, Credit Suisse, Citigroup. Năm 2010, tổng doanh thu của công ty đạt trên 1.500 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 911 tỷ đồng.

ĐẾN NAY, SSI LÀ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CÓ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG RỘNG NHẤT

- 1 trụ sở chính
- 8 chi nhánh
- 4 phòng giao dịch tại những thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

QUẢN LÝ RỦI RO

TẦM QUAN TRỌNG CỦA HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO

Trong hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính ngân hàng, công tác quản trị rủi ro luôn đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Chính vì vậy, PG Bank đã không ngừng nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tạo cơ sở vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ của ngân hàng trong những năm vừa qua.

Năm 2010, Khối Quản lý Rủi ro chính thức được thành lập, đánh dấu bước chuyển đổi mô hình quản lý rủi ro của PG Bank theo hướng chuyên nghiệp. Khung hệ thống quản lý rủi ro của Ngân hàng đã được hoàn thiện, bao gồm hệ thống đồng bộ các quy chế, quy trình hoạt động và các công cụ quản lý rủi ro hiện đại.

CƠ CẤU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO ĐƯỢC XÂY DỰNG CHẶT CHẼ, BAO GỒM:

1	CÁC ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO: HỘI ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ HỘI ĐỒNG ALCO
2	HỆ THỐNG PHÒNG BAN TRỰC THUỘC KHỐI QUẢN LÝ RỦI RO: PHÒNG QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG, PHÒNG QLRR THỊ TRƯỜNG, PHÒNG QLRR TÁC NGHIỆP, PHÒNG GIÁM SÁT VÀ THU HỒI NỢ, PHÒNG HỖ TRỢ TÍN DỤNG
3	CÁC CẤP KIỂM SOÁT, QUẢN LÝ TẠI CÁC ĐƠN VỊ KINH DOANH CÙNG CÁC CHỐT KIỂM SOÁT TẠI TỪNG QUY TRÌNH TÁC NGHIỆP

Trong đó:

HỘI ĐỒNG TÍN DỤNG: là cơ quan cấp cao nhất về quản lý hoạt động tín dụng thuộc Hội sở chính của PG Bank. Hội đồng Tín dụng thực hiện xét duyệt và đưa ra quyết định cao nhất với tất cả vấn đề liên quan đến việc cấp tín dụng (cho vay, bảo lãnh, mở thư tín dụng, chiết khấu...) đối với các khách hàng trong toàn hệ thống PG Bank, giám sát chất lượng tín dụng và xem xét các vấn đề khác liên quan đến hoạt động tín dụng.

HỘI ĐỒNG ALCO: chịu trách nhiệm xây dựng các chiến lược thích hợp nhất cho Ngân hàng trong quản lý tài sản Nợ - Có và các quỹ thông qua việc tận dụng tối đa các công cụ giúp xác định hình thức đầu tư phù hợp, mức lãi suất và tỷ giá hợp lý, đảm bảo an toàn vốn, thanh khoản và khả năng sinh lời trước những biến động của các yếu tố bên ngoài.

KHỐI QUẢN LÝ RỦI RO: là đơn vị độc lập về chức năng và cơ cấu hoạt động trong Ngân hàng, thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về quản lý và kiểm soát rủi ro, báo cáo trực tiếp lên Tổng Giám đốc. Khối Quản lý Rủi ro chịu trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc những vấn đề liên quan đến công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của PG Bank; xây dựng các chính sách quản lý và kiểm soát rủi ro, hỗ trợ việc xác định rủi ro và đưa ra biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quá trình xây dựng các quy trình, quy chế, phát triển sản phẩm mới của các khối phòng ban kinh doanh; triển khai, thực hiện và duy trì cơ cấu quản lý rủi ro một cách toàn diện và thống nhất để xác định, đo lường, tổng hợp, quản lý, giám sát, kiểm soát và báo cáo về rủi ro.

CÁC CẤP QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT TRỰC THUỘC CÁC ĐƠN VỊ KINH DOANH TRỰC TIẾP: thực hiện kiểm soát, rà soát và báo cáo về rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Tại PG Bank, chúng tôi hiểu rằng, rủi ro có thể tiềm ẩn ở từng nghiệp vụ ngân hàng, do đó công tác quản lý rủi ro luôn được thực hiện sâu rộng, nhằm kiểm soát, quản lý tất cả loại hình rủi ro.

RỦI RO TÍN DỤNG

Đây là rủi ro liên quan đến việc khách hàng được cấp tín dụng vì lý do nào đó mà mất khả năng thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đúng hạn. Trong bối cảnh nền kinh tế chịu ảnh hưởng của nhiều biến động khó lường và môi trường kinh doanh cạnh tranh khốc liệt, cùng với việc hoạt động tín dụng vẫn là hoạt động chủ lực, đem lại nguồn thu chính cho Ngân hàng, công tác quản lý rủi ro tín dụng đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với PG Bank.

Để thực hiện công tác này một cách chuyên nghiệp và hiệu quả, trong năm 2010 Ngân hàng đã tích cực hoàn thiện các quy định về phân cấp, ủy quyền phê duyệt tín dụng, trong đó chú trọng vai trò của Hội đồng Tín dụng, song song với việc phát triển và cải tiến hệ thống báo cáo nội bộ phục vụ công tác phân tích, đánh giá và quản trị rủi ro. Trên cơ sở chính sách quản lý rủi ro đã xây dựng, với hệ thống quản lý rủi ro được tổ chức chặt chẽ, rõ ràng, PG Bank tiếp tục thực hiện một loạt các biện pháp kiểm soát rủi ro, đặc biệt là giám sát và kiểm tra tính tuân thủ cả trước và sau khi cấp tín dụng. Trong năm này, công tác thu hồi nợ được đẩy mạnh, một bộ phận thu hồi nợ độc lập trực thuộc Khối Quản lý Rủi ro đã được thiết lập với các quy định, quy trình về thu hồi nợ được xây dựng và hoàn thiện.

Những nỗ lực trong công tác quản lý rủi ro tín dụng của PG Bank đã phát huy hiệu quả, giúp cho Ngân hàng duy trì tăng trưởng tín dụng với chất lượng tín dụng được đảm bảo. Tính đến 31/12/2010, tỷ lệ nợ xấu của PG Bank chỉ ở mức 1,42% (thấp hơn nhiều so với trung bình ngành và với quy định của Ngân hàng Nhà nước).

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Những biến động khó lường của thị trường thể hiện qua sự thay đổi khó dự đoán của lãi suất, tỷ giá và giá cổ phiếu có những tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh và trên hết là lợi nhuận của Ngân hàng. Trong những năm gần đây, kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, do đó

cũng chịu ảnh hưởng mạnh từ những diễn biến kinh tế trên toàn cầu vốn rất phức tạp, rủi ro thị trường tăng và kiểm soát tốt loại rủi ro này trở thành yêu cầu cấp thiết hơn bao giờ hết. Nhận thức được vấn đề này, hệ thống quản lý rủi ro thị trường tại PG Bank đã được đặc biệt quan tâm hoàn thiện, đảm bảo phòng chống các rủi ro về giá cả (bao gồm rủi ro lãi suất, tỷ giá, giá hàng hóa...) và rủi ro thanh khoản, kiểm soát rủi ro kinh doanh bao gồm kiểm soát tuân thủ hạn mức và quy định các giao dịch về nguồn vốn.

Cụ thể, trong năm này, Khối Quản lý Rủi ro của PG Bank đã hoàn thành việc xây dựng và ban hành các quy định về quản lý rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản, cùng với việc thiết lập hệ thống hạn mức cụ thể, hệ thống báo cáo, danh mục đầu tư và tính toán mức thiệt hại tối đa (VaR) phù hợp. Ngoài ra, Ngân hàng cũng đã hoàn tất việc xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của thông tư 13/2010/TT-NHNN ngày 20/5/2010 của NHNN trên cơ sở khai thác tối đa hệ thống công nghệ thông tin, số liệu được tự động in ra từ hệ thống đảm bảo kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của PG Bank giúp cho ban điều hành và các bộ phận liên quan đưa ra các quyết định và giải pháp kịp thời.

Nhờ sự vận hành hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro thị trường, các quyết định kinh doanh của PG Bank được đưa ra một cách linh hoạt và phù hợp, tận dụng được cơ hội trong khi giảm thiểu rủi ro từ những biến động của thị trường.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Được các chuyên gia quản trị rủi ro trên thế giới đánh giá là một trong những loại rủi ro có thể gây ra tổn thất rất lớn cho ngân hàng khi xảy ra, tuy nhiên nhận biết và kiểm soát rủi ro hoạt động còn khá mới với các ngân hàng Việt Nam. Rủi ro hoạt động là loại hình rủi ro gây ra do con người hoặc hệ thống, do quy trình hoặc tác nhân bên ngoài. Để hạn chế rủi ro này, PG Bank đã thực hiện chuẩn hóa quy trình đối với từng nghiệp vụ và thực hiện công tác kiểm soát tuân thủ, đồng thời tăng cường tần suất rà soát và cải tiến hệ thống.



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH

(Bản đồ mạng lưới chi nhánh tại Việt Nam)



MIỀN BẮC
HỘI SỞ CHÍNH

Văn phòng 5, 18T1-18T2 Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính, đường Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: (84) 4 6281 1298 | Fax: (84) 4 6281 1299 | Website: www.pgbank.com.vn

CHI NHÁNH HÀ NỘI

79 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04 3944 8899

PGD NAM ĐỒNG

185 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 04 3533 4360

PGD NGUYỄN CÔNG HOAN

84/9 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 04 3771 1342

PGD BÁCH KHOA

27 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04 3623 0737

PGD TRUNG HÒA – NHÂN CHÍNH

18T1-18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: 04 6281 1298

PGD THÁI THỊNH

192 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 04 3514 9140

PGD PHỐ HUẾ

356 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04 3974 4866

PGD NGUYỄN NGỌC NẠI

227 Nguyễn Ngọc Nại, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: 04 3566 6544

PGD HÀM LONG

25 Trần Bình Trọng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 04 3941 2 058

PGD HOÀNG CẦU

1 Võ Văn Dũng, Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 04 3537 9561

PGD KIM LIÊN

101A, nhà C5, tập thể Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 04 3576 5538

PGD TRUNG KÍNH

Số 47 Trung Kính, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04 3783 4032

PGD HÀ ĐÔNG

12 Trần Phú, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội
Tel: 04 3783 4032

PGD VÕ THỊ SÁU

64-66 Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04 3625 5075

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH

(Bản đồ mạng lưới chi nhánh tại Việt Nam)

CHI NHÁNH THĂNG LONG

552 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội
Tel: 04 3872 7158

PGD ĐỨC GIANG

26 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
Tel: 04 3655 7524

PGD TRÂU QUỲ

7 Ngõ Xuân Quảng, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội
Tel: 04 3876 0046

PGD LÊ HỒNG PHONG

71 Lê Hồng Phong, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 04 3734 7816

PGD AN DƯƠNG

6 An Dương, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: 04 3717 2890

PGD LẠC LONG QUÂN

105 Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04 3759 1718

PGD ĐƯỜNG THÀNH

12 Đường Thành, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 04 3923 3760

PGD CẦU DIỄN

34 - 36 Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 04 3763 4612

PGD TÔ HIỆU

227 Tô Hiệu, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04 3791 6356

PGD PHẠM HÙNG

Tháp CEO, HH2-1, đô thị mới Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Hà Nội
Tel: 04 3787 6945

PGD TÔNG ĐẢN

18B Tông Đản, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 04 3939 3343

PGD LAI XÁ

Ô 1, Lô 7, KCN Lai Xá, Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội
Tel: 04 3366 0833

PGD MỸ ĐÌNH

Tầng G, tòa nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

CHI NHÁNH BẮC NINH

10 Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiến An, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh
Tel: 0241 3893500

CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

01, Đại lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương
Tel: 0320 3848600

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

22 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Tel: 0313 822238

PG BANK NGÔ QUYẾN

147 Văn Cao, Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Tel: 0313 727596

PG BANK QUANG TRUNG

73 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Tel: 0313 529569

PG BANK LÊ CHÂN

158 Tô Hiệu, quận Lê Chân, TP Hải Phòng
Tel: 0313 612616

CHI NHÁNH QUẢNG NINH

156B Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
Tel: 0313 822238

QUỲ TK CẨM PHẢ

258 Trần Phú, thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh
Tel: 0333 968879

MIỀN TRUNG

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

143 - 145 Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Tel: 0511 3689777

MIỀN NAM

CHI NHÁNH SÀI GÒN

2.5 - 2.8 Phan Xích Long, phường 3, Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 3517 8171

PGD LÊ DUẨN

12 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 3823 9942

PGD LẠC LONG QUÂN

482 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 3975 2115

PGD NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

410 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 6276 3086

PGD HÙNG VƯƠNG

59 Hùng Vương, quận 10, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 6270 0297

PGD HOÀNG VĂN THỤ

15 Hoàng Văn Thụ, phường 15, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 6276 3196

PGD PHẠM VIẾT CHÁNH

19 Phạm Viết Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 6278 3997

PGD NGUYỄN THỊ MINH KHAI

188 Pasteur, quận 3, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 6270 0296

PGD TRƯỜNG CHINH

106 Trường Chinh, phường Tân Hưng Thuận, quận 12, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 3883 3962

PGD GÒ VẤP

3 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 6286 7723

PGD LÊ VĂN SỸ

380 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 3991 5484

PGD TÂN BÌNH

374 - 374A đường Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 3812 4107

PGD PHÚ MỸ HƯNG

29 khu phố Mỹ Hoàng, đường Nguyễn Văn Linh, quận 7, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 5412 4706

PG BANK NHÀ BÈ

67/3 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 3873 8972

PG BANK TÂN PHÚ

313 Nguyễn Sơn, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 3972 1055

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

153 Cách Mạng Tháng Tám, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Tel: 0650 3865678

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA

84 Quang Trung, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, Khánh Hòa
Tel: 058 3521919

CHI NHÁNH CẦN THƠ

110 Cách mạng tháng Tám, TP Cần Thơ
Tel: 0710 3768900

PGD NINH KIỀU

55A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP Cần Thơ
Tel: 0710 3818055

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

16-17 Đồng Khởi, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
Tel: 0616 250777

CHI NHÁNH AN GIANG

56-58 Nguyễn Trãi, phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang
Tel: 076 3941249

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

190 Lê Lợi, TP Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu
Tel: 0643 543441

CHI NHÁNH LONG AN

304 Hùng Vương, thị xã Tân An, Long An
Tel: 072 3525454

CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP

132-134 Nguyễn Huệ, Cao Lãnh, Đồng Tháp
Tel: 067 3874232

PGD CAO LÃNH

198 Nguyễn Trãi, Cao Lãnh, Đồng Tháp
Tel: 067 382203

PGD SA ĐÉC

122 Hùng Vương, Phường 2, Thị xã Sa Đéc, Đồng Tháp
Tel: 067 3774615

TRUNG TÂM THỂ

HÀ NỘI

356 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: 04 3974 4860

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

12 Lê Duẩn, quận 1, TP Hồ Chí Minh
Tel: 08 3823 9942



AUSTRALIA

Citibank, Sydney
ANZ, Melbourne
OCBC, Melbourne

AUSTRIA

Citibank, Vienna
RZB, Vienna

BANGLADESH

Woori Bank, Dhaka
BRAZIL
Citibank N.C, Sao Paolo

CAMBODIA

ANZ Royal Bank, Phnompenh
Canadia Bank Plc., Phnompenh
Foreign Trade Bank of Cambodia, Phnompenh
Vattanac Bank Ltd., Phnompenh
Cambodia Public Bank Ltd., Phnompenh

Union Commercial Bank Plc.
May Bank, Phnompenh
BIDC, Phnompenh

CANADA

Citibank
Caisse Centrale Desjardins

CHINA

ANZ, Beijing
Bank of Jiujiang
Citibank N.A, Beijing
Commerzbank AG, Shanghai
Commerzbank AG, Tianjin
ICBC
Linyi Commercial Bank CO., Ltd
OCBC
Wachovia Bank, Shanghai
Woori Bank, Beijing
Woori Bank, Shanghai
Hua Xia Bank, Beijing
Standard Chartered Bank
Yinzhou Bank

CZECH

Unicredit Bank Czech Republic, A.C

DENMARK

Nordea Bank Danmark A/S

FINLAND

Nordea Bank Finland Plc

FRANCE

Bayerische Hypo-Und
Commerzbank AG
BNP Paribas

GERMANY

ANZ
Commerzbank AG

Deutsche Bank AG
Hypo Vereins Bank
BHF Bank
Landesbank Baden-Wuerttemberg
Sparkasse Dortmund
Standard Chartered Bank

HOLLAND

Deutsche Bank, Amsterdam
Commerzbank AG
BNP Paribas

HONGKONG

ANZ
BNP Paribas
Citibank N.A
Commerzbank AG

OCBC
Wachovia Bank
Woori Bank
Hang Seng Bank
HSBC

HUNGARY

Unicredit Bank Hungary ZRT.
Commerzbank AG

INDIA

Citibank N.A, Mumbai
PT Bank OCBC NISP TBK
Standard Chartered Bank

INDONESIA

Citibank N.C, Jakarta

OCBC
Woori Bank, Jakarta
Deutsche Bank AG
Standard Chartered Bank

IRELAND
Citibank, Dublin
Commerzbank AG

ITALY
Banco Di Sicilia SPA
Unicredit Bank AG Milan Branch
Bipop Carire SPA
Cassa Di Risparmio Di Fossano SPA
Cassa Di Risparmio Di Pistoia e Pescia SPA
Credito Valtellinese
Commerzbank AG
Deutsche Bank AG, Milano
Unicredit S.P.A
Unicredit Corporate Banking S.P.A
Unicredit Banca S.P.A
SGSS S.P.A
Mediacredito Centrale S.P.A
Pioneer Investment Management S.P.A
Unicredit Banca Di Roma S.P.A

JAPAN
ANZ
Citibank N.A, Tokyo
Commerzbank AG
Deutsche Bank AG
Iyo Bank Ltd
Hypo Vereins Bank, Tokyo
OCBC
Resona Bank
Sumitomo Mitsui Banking Corp., Tokyo
Wachovia Bank, Tokyo
Woori Bank, Tokyo

JORDAN
Arab Bank Plc

LAOS
Banque Pour Le Commerce
Lao Viet Bank, Vientiane

LATVIA
Parex Bank Liga

MALAYSIA
Citibank N.A, Kuala Lumpur
OCBC
Standard Chartered Bank
May Bank, Kuala Lumpur

NEW ZEALAND
HSBC, New Zealand
ANZ, New Zealand

NIGERIA
Citibank, Nigeria
Standard Chartered Bank

NORWAY
Nordea Bank

PHILIPPINES
ANZ
Standard Chartered Bank

POLAND
Citibank, Warsawa

RUSSIA
Woori Bank, Moscow
Zao Citibank, Moscow
Unicredit Bank Zao, Moscow
Commerzbank AG

SINGAPORE
ANZ Royal Bank
JP Morgan Chase Bank

Citibank N.A, Singapore
Commerzbank AG
Credit Agricole CIB
DNB Nor Bank, Singapore
Fortis Bank NV
HSBC
HSBC Bank USA
Korean Exchange Bank, Singapore
Landesbank Baden-Wuerttemberg
Nordea Bank
OCBC
Standard Chartered Bank
Sumitomo Mitsui Banking Corp., Singapore
Sumitomo Mitsui Banking Copr., Woori Bank, Singapore
RZB, Singapore

SLOVAKIA
Citibank, Bratislava

SOUTH KOREA
ANZ Bank
Citibank N.A, Seoul
Industrial Bank of Korea, Seoul
Landesbank Baden-Wuerttemberg
Shinhan Bank
OCBC
Wachovia Bank, Seoul
Woori Bank, Seoul
Korean Exchange Bank, Seoul

SPAIN
BNP Paribas
Commerzbank AG

SWIZERLAND
Credit Suisse, Zurich
BNP Paribas

TAIWAN
ANZ
Citibank N.A, Taipei
Citibank Taiwan Ltd., Taiwan
OCBC
Wachovia Bank, Taiwan

THAILAND
Citibank N.A, Bangkok
OCBC
Standard Chartered Bank
HSBC

TUNISIA
Citibank, Tunisia

TURKEY
Citibank
HSBC
Turkiye Garanti Bankasi A.S

UK
ANZ
Wachovia Bank, London
Woori Bank, London
Bayerische Hypo-Und Vereinsbank
Commerzbank AG
OCBC
Standard Chartered Bank
HSBC Bank Plc

UKRAINE
Citibank, Kiev

UNITED ARAB EMIRATES
National Bank of Furaijah
HSBC
Standard Chartered Bank

USA
ANZ

Wachovia Bank, New York
Citibank N.A, New York
Commerzbank AG
Maybank
Standard Chartered Bank
Woori Bank, New York

VIETNAM
Agribank, Hanoi
ACB, HCM
An Binh Bank, Hanoi
ANZ, Hanoi
Bac A Bank, Hanoi
Bangkok Bank, Hanoi
Bao Viet Bank
Bank of China, HCM
BIDV, Hanoi
BNP Paribas, HCM
China Trust Commercial Bank, HCM
Chinfon Commercial Bank, Hanoi
Citibank, Hanoi
Deutsche Bank AG, HCM
Dong A Bank, HCM
Exim Bank
Far East National, HCM
First JSC Bank
GP Bank, Hanoi
Habubank, Hanoi
HDB Bank, HCM
Housing Bank of Mekong
HSBC, HCM
ICBC
Indovina Bank, HCM
Industrial Bank of Korea, HCM
JP Morgan Chase Bank, HCM
MHB, HCM
Maritime Bank, Hanoi
Military Bank, Hanoi
Natixis, HCM
Orient Commercial Joint Stock Bank, HCM
Saigon – Hanoi Bank, HCM

Saigon Commercial Bank, HCM
Saigon Commercial Joint Stock Bank, HCM
Standard Chartered Bank, HCM
South East Asia Bank, Hanoi
Southern Bank, HCM
Sumitomo Mitsui Banking Corp., Hanoi
Tien Phong Bank, Hanoi
United Overseas Bank, HCM
VIBank, Hanoi
Vietcombank, Hanoi
Vietinbank, Hanoi
Techcombank, Hanoi
Vietbank, Soc Trang
VRB, Hanoi
VP Bank, Hanoi
Woori Bank, Hanoi

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Bùi Ngọc Bảo Ông Đinh Thành Nghiệp Ông Trần Long An Bà Nguyễn Thị Thanh Hà Ông Cung Quang Hà Ông Lê Minh Quốc Ông Nguyễn Thanh Bình Ông Trần Ngọc Năm	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
BAN GIÁM ĐỐC	Ông Nguyễn Quang Định Ông Đinh Thành Nghiệp Ông Nguyễn Tiến Dũng Ông Nguyễn Thành Tô Ông Nguyễn Văn Hào	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ tháng 9 năm 2010) Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



NGUYỄN QUANG ĐỊNH
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số: 537 /Deloitte-AUDHN-RE

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (gọi tắt là "Ngân hàng"), từ trang 5 đến trang 28. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM TOÁN VIÊN

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 3, Ban Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

CƠ SỞ CỦA Ý KIẾN

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý KIẾN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



TRƯƠNG ANH HÙNG
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

TRẦN DUY CƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B02/TCTD

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	194.340.569.732	141.313.231.682
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	5	64.737.768.121	383.002.653.586
III	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	1.788.385.034.019	2.081.492.162.132
1	Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		1.788.385.034.019	2.013.408.512.132
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	68.083.650.000
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		1.724.955.120	-
V	Cho vay khách hàng		10.781.226.644.314	6.219.950.202.916
1	Cho vay khách hàng	7	10.886.497.072.935	6.267.026.267.599
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(105.270.428.621)	(47.076.064.683)
VI	Chứng khoán đầu tư	9	1.941.704.728.817	967.165.536.954
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.953.204.637.363	972.460.918.833
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(11.499.908.546)	(5.295.381.879)
VII	Đầu tư dài hạn	10	91.016.641.088	38.020.970.220
1	Đầu tư dài hạn khác		93.104.233.546	38.020.970.220
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.087.592.458)	
VIII	Tài sản cố định		150.284.147.438	91.598.695.696
1	Tài sản cố định hữu hình	11	125.102.877.542	72.529.023.412
a	Nguyên giá		167.191.928.937	91.664.702.528
b	Khấu hao lũy kế		(42.089.051.395)	(19.135.679.116)
2	Tài sản cố định vô hình	12	25.181.269.896	19.069.672.284
a	Nguyên giá		35.782.759.718	22.945.079.149
b	Hao mòn lũy kế		(10.601.489.822)	(3.875.406.865)
IX	Tài sản Có khác		1.364.904.153.277	495.966.910.663
1	Các khoản phải thu	13	1.141.126.476.670	358.214.985.846
2	Các khoản lãi, phí phải thu		173.780.566.932	81.731.066.544
3	Tài sản Có khác	14	49.997.109.675	56.020.858.273

TỔNG TÀI SẢN CÓ **16.378.324.641.926** **10.418.510.363.849**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

		Mẫu số B02/TCTD		
		Đơn vị tính: VND		
STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
B	Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		-	180.596.921.861
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	15	3.228.776.452.944	1.965.421.074.357
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		3.228.776.452.944	1.965.421.074.357
III	Tiền gửi của khách hàng	16	10.704.750.380.539	6.896.041.537.588
IV	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	332.398.424
V	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		61.473.102.431	
VI	Phát hành giấy tờ có giá	17		50.000.000.000
VII	Các khoản Nợ khác		209.911.845.311	232.633.737.446
1	Các khoản lãi, phí phải trả		102.856.830.927	94.645.422.832
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	18	95.849.734.429	133.045.907.448
3	Dự phòng rủi ro khác	18	11.205.279.955	4.942.407.166
	Tổng Nợ phải trả		14.204.911.781.225	9.325.025.669.676
VIII	Vốn và các quỹ		2.173.412.860.701	1.093.484.694.173
1	Vốn của các tổ chức tín dụng	19	2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	20	41.451.420.351	25.926.947.745
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21	18.313.909.327	12.600.781.921
4	Lợi nhuận chưa phân phối	19	113.647.531.023	54.956.964.507
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.378.324.641.926	10.418.510.363.849

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		31/12/2010	31/12/2009
STT	Chỉ tiêu		
I	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
1	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	760.191.942.766	421.483.783.769
2	Bảo lãnh khác	637.378.727.269	323.299.320.291
II	Các cam kết đưa ra		
1	Cam kết khác	2.730.886.557.450	341.848.329.244



NGUYỄN QUANG ĐỊNH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN Hào
Giám đốc Tài chính

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

		Mẫu số B03/TCTD		
		Đơn vị tính: VND		
STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1	Thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	1.466.543.797.507	836.293.981.758
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	949.742.855.551	541.671.680.802
I	Thu nhập lãi thuần		516.800.941.956	294.622.300.956
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		126.735.016.125	63.878.333.237
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		54.016.693.140	26.598.219.985
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	72.718.322.985	37.280.113.252
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	17.278.046.679	44.072.113.244
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	1.459.600.000
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	9.097.244.532	19.891.346.031
5	Thu nhập từ hoạt động khác		50.471.508.602	23.958.282.751
6	Chi phí hoạt động khác		9.815.779.626	70.371.857
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác		40.655.728.976	23.887.910.894
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		7.763.906.900	11.116.030.000
VIII	Chi phí hoạt động	27	282.539.675.378	158.105.824.704
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		381.774.516.650	274.223.589.673
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		88.903.694.145	43.966.570.133
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		292.870.822.505	230.257.019.540
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	74.059.553.383	55.300.055.033
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		74.059.553.383	55.300.055.033
XIII	Lợi nhuận sau thuế		218.811.269.122	174.956.964.507



NGUYỄN QUANG ĐỊNH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN Hào
Giám đốc Tài chính

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

		MẪU SỐ B04/TCTD	
		Đơn vị tính: VND	
STT	CHỈ TIÊU	Năm 2010	Năm 2009
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	3.110.689.777.740	817.905.093.935
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.662.335.916.177)	(511.824.062.103)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	72.718.322.985	37.280.113.252
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	37.752.733.452	43.359.336.931
05	Thu nhập khác	41.458.972.656	27.953.940.894
06	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(384.834.466.823)	(145.252.826.122)
07	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(98.961.034.948)	(35.412.487.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		116.488.388.885	234.009.109.614
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(6.182.451.473.993)	(3.604.227.460.982)
08	Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	215.024.978.113	154.014.350.000
09	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(980.743.718.530)	234.461.613.807
10	(Tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(1.724.955.120)	-
11	(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(4.478.821.780.856)	(3.901.744.507.956)
12	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	9.789.237.424	-
13	(Tăng) khác về tài sản hoạt động	(945.975.235.024)	(90.958.916.833)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		4.862.675.357.551	4.065.110.225.964
14	(Giảm)/Tăng các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(180.596.921.861)	180.596.921.861
15	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác	1.263.355.378.587	(719.097.181.898)
16	Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	3.808.708.842.951	4.697.002.604.608
17	(Giảm)/tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(50.000.000.000)	(117.579.483.282)
18	Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	61.473.102.431	-
19	(Giảm)/Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(332.398.424)	12.933.180.345
20	(Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động	(15.336.416.133)	11.254.184.330
21	Chi từ quỹ của các tổ chức tín dụng	(24.596.230.000)	-
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.203.287.727.557)	694.891.874.596

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

		MẪU SỐ B04/TCTD	
		Đơn vị tính: VND	
		Năm 2010	Năm 2009
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(88.364.906.978)	(42.047.581.043)
02	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(110.602.125)	-
03	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(52.995.670.868)	(3.791.698.525)
04	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	19.800.000.000
05	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	390.000.000	11.116.030.000
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(141.081.179.971)	(14.923.249.568)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu	1.000.000.000.000	-
02	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(145.892.118.000)	(70.108.354.600)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	854.107.882.000	(70.108.354.600)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(490.261.025.528)	609.860.270.428
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	2.537.724.397.400	1.927.864.126.972
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	2.047.463.371.872	2.537.724.397.400

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm 2010, Ngân hàng tạm chia cổ tức với số tiền là 120 tỷ đồng và thanh toán số cổ tức còn lại của năm 2009. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, số cổ tức chưa trả cho các cổ đông là 50.880.202.400 đồng được điều chỉnh trên phần giảm khác về công nợ hoạt động.

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt và tương đương tiền tại quỹ	194.340.569.732	141.313.231.682
Tiền gửi tại NHNN	64.737.768.121	383.002.653.586
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác (dưới 3 tháng)	1.788.385.034.019	2.013.408.512.132
	2.047.463.371.872	2.537.724.397.400

Stamp: S.B.K.K.D: 1400116233 - C.T.C.P. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XĂNG DẦU PETROLIMEX. Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI. Signature: NGUYỄN QUANG ĐỊNH, Tổng Giám đốc.

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Signature: NGUYỄN VĂN HẢO, Giám đốc Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (“Ngân hàng”) tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười, được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép hoạt động số 0045-NHNN ngày 13 tháng 1 năm 1993 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp. Theo Quyết định số 368/QĐ-NHNN ngày 08 tháng 02 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Đồng Tháp Mười được chấp thuận đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex.

Theo Quyết định số 3209/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng được chấp thuận chuyển trụ sở chính đến địa chỉ Văn phòng 5, nhà 18T1-18T2 khu đô thị mới Trung Hòa, Nhân Chính, đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.158 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 867).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính có liên quan tại Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước vào ngày 29 tháng 4 năm 2004 (và các điều chỉnh); và Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 18 tháng 4 năm 2007.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 29 tháng 4 năm 2004 (và các điều chỉnh); và Chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành vào ngày 18 tháng 4 năm 2007 yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền tệ khác với VND được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản và công nợ có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các cam kết mở theo các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được đánh giá lại theo các tỷ giá của kỳ hạn tương ứng tại ngày lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá này được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản cho vay và thu từ lãi

Các khoản cho vay được ghi nhận theo số nợ gốc trừ các khoản nợ đã xóa và dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Thu từ lãi được ghi nhận dựa trên phương pháp dự thu đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định hiện hành. Số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn Ngân hàng hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết được trích lập dựa trên ước tính của Ban Giám đốc cho các khoản cho vay, các khoản cam kết khó có khả năng thu hồi phù hợp với các quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2010) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá:

NHÓM	TÌNH TRẠNG QUÁ HẠN	TỶ LỆ DỰ PHÒNG
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết (tiếp theo)

Dự phòng chung cho các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết được Ngân hàng trích lập theo tỷ lệ 0,75% trên tổng giá trị của các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Khoản dự phòng chung này sẽ được trích lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN có hiệu lực (ngày 5 tháng 5 năm 2005).

Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng đã trích dự phòng chung với tỷ lệ 0,75% trên tổng dư Nợ cho vay và ứng trước được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 (năm 2009: 0,66%) và 0,75% trên số dư các khoản bảo lãnh thư tín dụng và cam kết cho vay không hủy ngang (năm 2009: 0,66%).

Dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi, các khoản cam kết được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm các khoản nợ đã xóa trong năm, thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa trong các năm trước và chi phí dự phòng năm nay.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán vốn không có mục đích kiểm soát doanh nghiệp và chứng khoán nợ do Chính phủ, các tổ chức tín dụng (TCTD) khác và các tổ chức kinh tế (TCKT) phát hành. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ nhằm mục đích hưởng chênh lệch giá và nắm giữ trong thời gian không quá 1 năm được phân loại là chứng khoán kinh doanh, các loại chứng khoán mà Ngân hàng có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn, các chứng khoán khác được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được phân loại theo hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước và được trình bày theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán này được trích lập theo quy định tại Công văn trên. Theo đó, đối với chứng khoán vốn đã niêm yết, Ngân hàng sẽ đánh giá giá trị khoản đầu tư theo giá đóng cửa vào ngày lập báo cáo tài chính. Khi giá thị trường tăng lên, lợi nhuận sẽ được bù trừ nhưng không được vượt quá khoản dự phòng đã được trích lập trước đó. Phần chênh lệch sẽ không được ghi nhận như là thu nhập cho tới khi chứng khoán được bán.

Đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn bao gồm các chứng khoán vốn và các khoản đầu tư vào các Dự án có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm với mục đích hưởng lợi trong các trường hợp (i) Ngân hàng là cổ đông sáng lập; hoặc (ii) Ngân hàng là đối tác chiến lược; hoặc (iii) Ngân hàng có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động của doanh nghiệp thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này được trích lập theo hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010 Số năm	2009 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25	4 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 7	2 - 7
Phương tiện vận chuyển	6 - 10	6
Dụng cụ quản lý	4 - 5	-
Tài sản cố định khác	5	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

- Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức. Nguyên giá của quyền sử dụng đất được ghi nhận trên cơ sở chi phí phát sinh và giá trị đất được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Quyền sử dụng đất với thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng.

- Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua phần mềm máy tính mới, mà phần mềm này không phải là một bộ phận không thể tách rời phần cứng có liên quan. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dồn tích.

Các khoản thu nhập cổ tức trả bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng được ghi nhận theo hướng dẫn tại Công văn số 4964/NHNN-TCKT ngày 02/06/2008. Theo đó, Ngân hàng ghi nhận thu nhập từ cổ tức trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng theo mệnh giá.

Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận dựa trên phương pháp dự chi và khi các chi phí này thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Ngân hàng có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Không có thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31/12/2010 do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

Việc xác định thuế thu nhập của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết mua bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán trong tương lai theo tỷ giá này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các cam kết và bảo lãnh ngoài bảng cân đối kế toán

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tại bất kỳ thời điểm nào Ngân hàng luôn có các khoản cam kết tín dụng chưa thực hiện. Các khoản cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các khoản bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Các giao dịch này được ghi nhận vào báo cáo tài chính khi được thực hiện hay các khoản phí liên quan phát sinh hoặc thu được. Nhiều khoản cam kết nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn và không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và các khoản nợ này không phản ánh luồng tiền lưu chuyển dự kiến trong tương lai.

Các quỹ của Ngân hàng

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ, các tổ chức tín dụng phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân phối lợi nhuận:

- a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích bằng 5% thu nhập sau thuế hằng năm nhưng không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- b. Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 10% thu nhập sau thuế hằng năm sau khi đã lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, trừ các khoản lỗ của các năm trước và các khoản chi phí không được khấu trừ khác. Số dư quỹ này không vượt quá 25% vốn Điều lệ của Ngân hàng. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

Các quỹ dự trữ và quỹ dự phòng ở trên không được dùng để phân chia.

4. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUỲ

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt bằng VND	133.881.537.800	91.155.384.900
Tiền mặt bằng ngoại tệ	60.459.031.932	50.157.846.782
	194.340.569.732	141.313.231.682

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản vãng lai. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc, các Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Cụ thể:

Theo Quyết định số 379/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2009 và Quyết định số 74/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2010:

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng đồng Việt Nam là 3% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 3%);
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên bằng đồng Việt Nam là 1% đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng ngoại tệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng là:

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng bằng ngoại tệ là 4% phải dự trữ bắt buộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 7%)
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi từ 12 tháng trở lên bằng ngoại tệ là 2% trên tổng số dư tiền phải dự trữ bắt buộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 3%).

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi bằng Đồng Việt Nam	7.925.970.503	373.867.589.226
Tiền gửi bằng ngoại tệ (tương đương)	56.811.797.618	9.135.064.360
	64.737.768.121	383.002.653.586

6. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	101.225.034.019	157.009.489.239
- Bằng VND	23.995.953.713	100.794.442.700
- Bằng ngoại tệ, vàng	77.229.080.306	56.215.046.539
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	1.687.160.000.000	1.856.399.022.893
- Bằng VND	1.592.500.000.000	1.244.238.075.000
- Bằng ngoại tệ, vàng	94.660.000.000	612.160.947.893
	1.788.385.034.019	2.013.408.512.132
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
- Bằng VND	-	68.083.650.000
	-	68.083.650.000
	1.788.385.034.019	2.081.492.162.132

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	10.813.931.698.455	6.267.026.267.599
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	13.884.539.480	-
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	58.680.835.000	-
	10.886.497.072.935	6.267.026.267.599

Phân tích chất lượng nợ cho vay	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	10.638.632.618.755	6.137.232.630.610
Nợ cần chú ý	93.491.323.552	53.020.206.896
Nợ dưới tiêu chuẩn	54.757.949.012	6.832.175.777
Nợ nghi ngờ	68.742.363.635	51.774.915.259
Nợ có khả năng mất vốn	30.872.817.981	18.166.339.057
	10.886.497.072.935	6.267.026.267.599

Phân tích dư nợ theo thời gian	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nợ ngắn hạn	7.239.168.207.021	4.065.515.226.003
Nợ trung hạn	2.665.549.884.581	1.641.680.105.996
Nợ dài hạn	981.778.981.333	559.830.935.600
	10.886.497.072.935	6.267.026.267.599

Phân tích dư nợ theo đơn vị tiền tệ	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Cho vay bằng VND	8.946.518.380.347	5.579.381.222.502
Cho vay bằng ngoại tệ, vàng	1.939.978.692.588	687.645.045.097
	10.886.497.072.935	6.267.026.267.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

8. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2009			
Số dư đầu năm	6.578.379.144	11.148.531.822	17.726.910.966
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	34.591.982.356	4.340.590.409	38.932.572.765
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(9.583.419.048)	(9.583.419.048)
Số dư cuối năm	41.170.361.500	5.905.703.183	47.076.064.683
Năm 2010			
Số dư đầu năm	41.170.361.500	5.905.703.183	47.076.064.683
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	60.745.185.711	20.456.863.468	81.202.049.179
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(20.916.824.450)	(2.090.860.791)	(23.007.685.241)
Số dư cuối năm	80.998.722.761	24.271.705.860	105.270.428.621

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.953.204.637.363	972.460.918.833
Chứng khoán Nợ	1.854.550.329.280	876.983.376.566
- Chứng khoán Chính phủ	925.303.105.564	595.936.145.396
- Chứng khoán Nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	432.047.223.716	82.612.959.553
- Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	497.200.000.000	198.434.271.617
Chứng khoán Vốn	98.654.308.083	95.477.542.267
- Chứng khoán Vốn do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	8.453.208.150	3.326.038.800
- Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	90.201.099.933	92.151.503.467
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(11.499.908.546)	(5.295.381.879)
	1.941.704.728.817	967.165.536.954
Chi tiết chứng khoán Nợ		
Trái phiếu Chính phủ (i)	780.761.590.052	451.394.962.914
Trái phiếu phát triển đô thị (ii)	144.541.515.512	144.541.182.482
Trái phiếu công ty (iii)	497.200.000.000	198.434.271.617
Giấy tờ có giá do các ngân hàng khác phát hành (iv)	432.047.223.716	82.612.959.553
	1.854.550.329.280	876.983.376.566

- (i)

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm bằng VND do Kho bạc Nhà nước phát hành. Các Trái phiếu này có mức lãi suất hàng năm từ 8,65% đến 11,33%/năm. Tiền lãi được trả hàng năm;
- (ii)

Trái phiếu phát triển đô thị có kỳ hạn 5 năm và 15 năm bằng VND do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát hành có mức lãi suất từ 8,8% đến 9,55%/năm. Tiền lãi được trả hàng năm;
- (iii)

Trái phiếu công ty bao gồm trái phiếu bằng VND do các tổ chức kinh tế phát hành với kỳ hạn từ 5 đến 10 năm và lãi suất từ 8,6% đến 15,5%/năm. Tiền lãi được trả hàng năm;
- (iv)

Giấy tờ có giá khác bao gồm trái phiếu kỳ hạn 10 năm bằng VND do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành, hưởng lãi suất từ 9,8% đến 12,5%/năm, lãi được trả hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	93.104.233.546	38.020.970.220
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.087.592.458)	-
	91.016.641.088	38.020.970.220

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010		31/12/2009	
	Giá gốc (VND)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Giá gốc (VND)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đầu tư dài hạn khác	93.104.233.546		38.020.970.220	
Quỹ tầm nhìn SSI (i)	30.000.000.000	1,76%	30.000.000.000	1,76%
Công ty CP Nhiên Liệu Bay Petrolimex	7.500.000.000	2,50%	7.500.000.000	2,50%
Công ty TNHH Hóa chất PTN	549.746.848	5,10%	520.970.220	5,10%
Chứng chỉ quỹ VF4 (ii)	44.904.486.698	0,56%	-	0,00%
Quỹ đầu tư năng động (VFA)	10.150.000.000	3,33%	-	0,00%
	93.104.233.546		38.020.970.220	

- (i)

Ngân hàng là cổ đông sáng lập đối với Quỹ đầu tư này và Ban Giám đốc Ngân hàng xác định các khoản đầu tư này được nắm giữ với mục đích đầu tư dài hạn.
- (ii)

Trong năm 2010, Ngân hàng thực hiện việc phân loại lại khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ VF4 từ khoản mục đầu tư sẵn sàng để bán thành khoản mục đầu tư dài hạn căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	23.846.853.947	6.543.339.612	28.182.873.978	33.044.134.991	47.500.000	91.664.702.528
Mua trong năm	6.063.283.421	5.482.281.537	13.737.546.272	51.872.653.961	-	77.155.765.191
Tăng khác	-	153.516.364	15.890.909	4.981.239.092	-	5.150.646.365
Thanh lý	213.934.564	-	-	83.768.266	-	297.702.830
Giảm khác	1.254.790.500	5.003.455.456	-	223.236.361	-	6.481.482.317
Tại ngày 31/12/2010	28.441.412.304	7.175.682.057	41.936.311.159	89.591.023.417	47.500.000	167.191.928.937

KHẤU HAO LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2010	5.131.397.361	413.221.350	5.493.787.374	8.079.856.357	17.416.674	19.135.679.116
Trích khấu hao trong năm	4.308.560.713	486.475.940	4.907.616.704	13.439.767.273	9.490.143	23.151.910.773
Thanh lý, nhượng bán	123.472.057	-	-	46.761.523	-	170.233.580
Giảm khác	-	-	-	28.304.914	-	28.304.914
Tại ngày 31/12/2010	9.316.486.017	899.697.290	10.401.404.078	21.444.557.193	26.906.817	42.089.051.395

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2010	19.124.926.287	6.275.984.767	31.534.907.081	68.146.466.224	20.593.183	125.102.877.542
Tại ngày 31/12/2009	18.715.456.586	6.130.118.262	22.689.086.604	24.964.278.634	30.083.326	72.529.023.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	5.041.041.750	17.869.037.399	35.000.000	22.945.079.149
Mua trong năm	-	12.837.680.569	-	12.837.680.569
Tăng khác	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2010	5.041.041.750	30.706.717.968	35.000.000	35.782.759.718
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	-	3.857.906.857	17.500.008	3.875.406.865
Trích hao mòn trong năm	-	6.717.332.953	8.750.004	6.726.082.957
Tại ngày 31/12/2010	-	10.575.239.810	26.250.012	10.601.489.822
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	5.041.041.750	20.131.478.158	8.749.988	25.181.269.896
Tại ngày 31/12/2009	5.041.041.750	14.011.130.542	17.499.992	19.069.672.284

13. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	20.625.000	8.886.973.548
- Các khoản phải thu bên ngoài (*)	1.130.069.838.110	323.664.156.762
- Các khoản phải thu nội bộ	11.036.013.560	25.663.855.536
	1.141.126.476.670	358.214.985.846

(*) Chi tiết các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2009 VND	31/12/2009 VND
Ký quỹ, cầm cố thế chấp	84.824.792.680	15.070.440.000
Các khoản thanh toán với Ngân sách Nhà nước	8.978.626.318	5.879.919.491
Các khoản ủy thác đầu tư, môi giới chứng khoán (i)	924.627.080.000	201.332.000.000
Chi hỗ trợ lãi suất (ii)	15.131.189.734	23.462.683.823
Đặt cọc mua văn phòng (iii)	25.693.363.566	25.693.363.566
Trả trước về mua sắm thiết bị ATM	-	20.906.850.250
Phải thu phí dịch vụ	20.082.560.295	-
Các khoản phải thu khác	50.732.225.517	31.318.899.632
	1.130.069.838.110	323.664.156.762

- (i)

Thể hiện số tiền Ngân hàng đã chi cho các hợp đồng ủy thác đầu tư và môi giới chứng khoán với khách hàng. Ban Giám đốc Ngân hàng đã đánh giá và tin tưởng vào khả năng thu hồi của các khoản mục này. Vì vậy, không có khoản dự phòng nào cần trích lập và Ngân hàng vẫn tính lãi dự thu đối với các khoản mục này.
- (ii)

Các khoản chi hỗ trợ lãi suất thể hiện chi phí đã hỗ trợ cho khách hàng vay vốn được hưởng chương trình hỗ trợ lãi suất cho vay của Chính phủ. Khoản tiền trên sẽ được Ngân hàng Nhà nước thanh toán cho Ngân hàng.
- (iii)

Khoản đặt cọc mua văn phòng thể hiện giá trị trả trước theo hợp đồng mua văn phòng ký kết với Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội. Thời hạn hoàn thành công trình dự kiến vào tháng 6 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

14. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công cụ, vật liệu tồn kho	30.619.614.306	37.715.330.860
Chi phí chờ phân bổ	19.377.495.369	18.305.527.413
	49.997.109.675	56.020.858.273

15. TIỀN GỬI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền, vàng gửi của các tổ chức tín dụng khác		
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	818.852.944	44.774.357
- Bằng VND	818.852.944	44.774.357
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	3.227.957.600.000	1.965.376.300.000
- Bằng VND	1.928.000.000.000	1.350.000.000.000
- Bằng ngoại tệ, vàng	1.299.957.600.000	615.376.300.000
	3.228.776.452.944	1.965.421.074.357

16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	1.962.051.538.087	1.359.175.477.639
- Bằng VND	1.749.341.520.747	1.186.097.172.150
- Bằng ngoại tệ, vàng	212.710.017.340	173.078.305.489
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	8.585.550.017.290	5.465.117.222.835
- Bằng VND	7.220.138.759.919	4.428.152.442.374
- Bằng ngoại tệ, vàng	1.365.411.257.371	1.036.964.780.461
Tiền gửi vốn chuyên dùng	17.584.592.320	2.273.700
Tiền gửi ký quỹ	139.564.232.842	71.746.563.414
	10.704.750.380.539	6.896.041.537.588

17. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kỳ phiếu dưới 12 tháng bằng VND	-	50.000.000.000
	-	50.000.000.000

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 thể hiện khoản kỳ phiếu ghi danh với kỳ hạn 6 tháng từ ngày 20 tháng 7 năm 2009 với lãi suất 8,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Các khoản phải trả và công nợ khác	95.849.734.429	133.045.907.448
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	24.490.154.644	48.834.716.779
- Cổ tức tạm chia chưa thanh toán	50.880.202.400	76.772.320.400
- Phải trả về hoạt động thanh toán	9.470.473.410	5.672.179.480
- Phải trả nội bộ	4.096.280.698	-
- Các khoản phải trả khác	6.912.623.277	1.766.690.789
Dự phòng rủi ro khác	11.205.279.955	4.942.407.166
- Dự phòng đối với các cam kết đưa ra	11.205.279.955	4.942.407.166
	107.055.014.384	137.988.314.614

19. VỐN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.000.000.000.000	54.956.964.507	1.054.956.964.507
Tăng vốn điều lệ (i)	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	218.811.269.122	218.811.269.122
Trích lập các quỹ (ii)	-	(40.120.702.606)	(40.120.702.606)
Tạm ứng cổ tức 2010 (iii)	-	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)
Số dư cuối năm	2.000.000.000.000	113.647.531.023	2.113.647.531.023

- (i)

Trong năm 2010, Ngân hàng có thực hiện tăng vốn điều lệ với số tiền 1.000 tỷ đồng từ nguồn trái phiếu chuyển đổi. Việc chuyển đổi đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại Quyết định số 1995/QĐ-NHNN ngày 20/8/2010. Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13 số 1400116233 cho Ngân hàng, trong đó phê duyệt vốn điều lệ tăng lên là 2.000 tỷ đồng;
- (ii)

Khoản trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2010.
- (iii)

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ngân hàng đã tạm ứng cổ tức năm 2010 với tổng giá trị 120 tỉ đồng, trong đó, số chưa thanh toán là 50.880.202.400 đồng được phản ánh trên Các tài sản Nợ khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Việc quyết định phân phối lợi nhuận thuộc thẩm quyền phê duyệt chính thức của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

19. VỐN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động điều chỉnh	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2010	
	VND	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	800.000.000.000	800.000.000.000	40,00%
Công ty Cổ phần Xây Lắp III Petrolimex	124.724.000.000	124.724.000.000	6,24%
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	199.555.000.000	199.555.000.000	9,98%
Các cổ đông khác	875.721.000.000	875.721.000.000	43,79%
	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	100,00%

20. CÁC QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	650.000.000	11.954.361.589	2.085.430.445	11.237.155.711	25.926.947.745
Trích quỹ	-	16.620.911.628	8.747.848.225	14.751.942.753	40.120.702.606
Chi quỹ	-	-	-	(24.596.230.000)	(24.596.230.000)
Số dư cuối năm	650.000.000	28.575.273.217	10.833.278.670	1.392.868.464	41.451.420.351

21. CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

Chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và chính sách kế toán của Ngân hàng, khoản chênh lệch này phải hạch toán vào lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối. Tuy nhiên, do trạng thái ngoại hối của Ngân hàng bị thiếu hụt tạm thời tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 nên ngày 5 tháng 1 năm 2011, Ngân hàng đã bù đắp số ngoại tệ thiếu hụt này và phát sinh một khoản lỗ tương ứng. Vì vậy, Ngân hàng quyết định không phản ánh khoản chênh lệch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Nếu việc hạch toán được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và chính sách kế toán của Ngân hàng, chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ngân hàng sẽ tăng 18.313.909.327 đồng và chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm tương ứng.

22. THU NHẬP TỪ LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2010 VND	2009 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	157.449.889.903	245.888.169.044
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	1.111.822.915.784	473.844.940.355
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	138.819.628.926	90.985.372.007
Thu khác từ hoạt động tín dụng	58.451.362.894	25.575.500.352
	1.466.543.797.507	836.293.981.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

23. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2010 VND	2009 VND
Trả lãi tiền gửi	822.209.196.306	529.120.343.571
Trả lãi tiền vay	25.272.822.302	4.157.597.678
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	100.227.091.636	8.087.911.817
Chi phí hoạt động tín dụng khác	2.033.745.307	305.827.736
	949.742.855.551	541.671.680.802

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2010 VND	2009 VND
Thu từ dịch vụ thanh toán	28.127.501.600	25.869.113.549
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	2.903.201.024	5.644.025.811
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	13.928.388.735	11.345.908.359
Thu từ nghiệp vụ uỷ thác và đại lý	1.926.074.968	416.806.234
Thu từ dịch vụ tư vấn	20.650.265.697	7.670.446.416
Thu từ dịch vụ bảo quản tài sản	2.363.606.813	2.515.437.829
Thu khác	56.835.977.288	10.416.595.039
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	126.735.016.125	63.878.333.237
Chi về dịch vụ thanh toán	4.448.609.939	3.176.183.494
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	6.316.176.266	4.415.209.125
Chi về ngân quỹ	2.806.877.993	3.280.467.932
Chi về nghiệp vụ uỷ thác và đại lý	-	122.389.972
Chi về dịch vụ tư vấn	261.741.788	188.424.805
Chi về hoa hồng, môi giới	4.764.482.951	2.104.000
Chi khác	35.418.804.203	15.413.440.657
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	54.016.693.140	26.598.219.985
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	72.718.322.985	37.280.113.252

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2010 VND	2009 VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	67.498.789.979	72.420.518.582
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	58.085.663.201	52.096.324.919
- Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	9.413.126.778	20.324.193.663
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	50.220.743.300	28.348.405.338
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	38.256.568.307	13.384.365.109
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	11.964.174.993	14.964.040.229
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	17.278.046.679	44.072.113.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

26. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2010	2009
	VND	VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	299.862.864.037	347.015.439.658
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(282.473.500.380)	(336.760.935.971)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(8.292.119.125)	9.636.842.344
	9.097.244.532	19.891.346.031

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2010	2009
	VND	VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	10.488.234.828	11.046.527.157
Chi phí cho nhân viên	129.506.892.904	74.239.618.515
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	116.600.329.028	63.338.122.246
- Các khoản chi đóng góp theo lương	11.042.276.191	7.853.481.493
- Chi trợ cấp	877.561.298	1.312.302.955
Chi về tài sản	67.679.457.383	37.949.780.204
Trong đó:		
- Khấu hao Tài sản cố định	29.810.654.911	12.851.454.832
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	71.081.583.641	33.500.916.788
Trong đó:		
- Công tác phí	2.332.458.869	1.959.461.456
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	3.783.506.622	1.368.982.040
	282.539.675.378	158.105.824.704

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	292.870.822.505	230.257.019.540
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.413.736.584	10.719.298.000
- Thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.413.736.584	10.719.298.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.781.127.603	1.662.498.593
Thu nhập chịu thuế	296.238.213.524	221.200.220.133
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	74.059.553.383	55.300.055.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải và mô tả các phương pháp mà Ban Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính lớn nhất mà Ngân hàng gặp phải là rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

29.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Ngân hàng chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và các khoản nợ chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể, hoặc chịu nhiều ảnh hưởng của biến động lãi suất và không tương ứng với khoản công nợ cụ thể nào. Ngân hàng thực hiện quản lý rủi ro lãi suất theo nguyên tắc quản lý nguồn vốn tập trung. Rủi ro lãi suất được quản lý hàng tuần và duy trì trong giới hạn mức chấp nhận rủi ro theo mục tiêu, chiến lược đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và phù hợp với chính sách của Hội đồng quản lý Tài sản Có - Tài sản Nợ (ALCO). Quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện theo hai phương pháp: phương pháp phân tích khe hở nhạy cảm lãi suất và phương pháp phân tích giá trị ròng vốn chủ sở hữu.

Rủi ro tiền tệ

Ngân hàng chịu rủi ro tiền tệ trong những giao dịch bằng ngoại tệ. Ngân hàng chủ yếu sử dụng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ để hạch toán các hoạt động của mình. Do báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập bằng Đồng Việt Nam, các báo cáo tài chính của Ngân hàng bị ảnh hưởng bởi những biến động tỷ giá giữa các loại ngoại tệ và Đồng Việt Nam.

Rủi ro thanh khoản

Ngân hàng đối mặt với rủi ro thanh khoản thông qua các giao dịch rút vốn liên tục trong thời hạn rất ngắn, các tài khoản tiền gửi vãng lai, các khoản tiền gửi đến hạn, rút vốn, bảo lãnh, các nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt đối với các công cụ phái sinh.

Ngân hàng đặc biệt chú trọng đến việc quản lý hiệu quả bảng cân đối kế toán và tính thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng dựa trên các quy định và giới hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

29.2. Rủi ro tín dụng

Ngân hàng thường gặp rủi ro tín dụng thông qua hoạt động cấp vốn vay, các hoạt động đầu tư, khi Ngân hàng đảm nhiệm vai trò trung gian thay mặt khách hàng hoặc một bên thứ ba hoặc khi Ngân hàng phát hành bảo lãnh. Ngoài ra, Ngân hàng cũng gặp phải rủi ro tín dụng đối với các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán thông qua các cam kết gia hạn tín dụng hoặc gia hạn bảo lãnh mà Ngân hàng đã phát hành.

Ngân hàng cũng đối mặt với nguy cơ này khi các đối tác không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình do bị nghi ngờ về tính hoạt động liên tục. Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng không tập trung cấp tín dụng quá cao cho một khách hàng, một ngành/nghề/lĩnh vực, các nhóm khách hàng/ngành/nghề có liên quan với nhau, một loại tiền tệ, một loại sản phẩm và tại một địa bàn. Việc cấp tín dụng cho một dự án lớn hay một khoản vay lớn phải được thực hiện theo chế độ tập thể (thông qua nhiều cấp xét duyệt và biểu quyết của Hội đồng tín dụng với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng) để đảm bảo tính khách quan.

Phương pháp quản lý rủi ro tín dụng dựa trên việc thiết lập các định mức/cơ cấu quản lý các rủi ro tín dụng và quản lý danh mục cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B05/TCTD

30. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Ngân hàng có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Năm 2010		Năm 2009	
	USD	VND tương đương (*)	USD	VND tương đương (*)
Bán ngoại tệ cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	1.495.241.105,19	28.324.864.641.640	1.649.410.236,49	29.766.444.071.003
Thu phí dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu và hệ thống		20.082.560.295		-

(*) Tỷ giá quy đổi bình quân 18.943 VND/USD (năm 2009: 18.047 VND/USD)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	317.688.441.768	311.935.737.074
Cho vay các khách hàng thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	1.376.273.477.567	1.300.332.941.296

Thu nhập của những người điều hành:

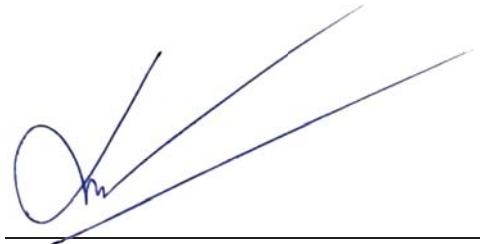
	2010 VND	2010 VND
Lương và các khoản thưởng	8.848.068.586	6.528.716.150

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.



NGUYỄN QUANG ĐỊNH
Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HẢO
Giám đốc Tài chính

Ngày 31 tháng 3 năm 2011